TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH HÀ** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24/02/2022
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH HÀ, TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thành Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Thành và ông Lê Xuân Hường

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang Dung, Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Vào lúc 15 giờ 45 phút, ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Thạch Hà mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 02/2022/TLST- HNGĐ, ngày 06 tháng 01 năm 2022 về việc "*Ly hôn*" theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Anh Kiều Đình D, sinh năm: 1975; Địa chỉ: Thôn Q Tiến, xã Thạch X, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do.(Có mặt)

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Thôn Vồng V 1, xã Xuân V, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Nghề nghiệp: Lao động tự do.(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên toà, nguyên đơn anh Kiều Đình D trình bày*:

- *Về hôn nhân*: Anh Kiều Đình D và chị Nguyễn Thị C kết hôn vào ngày 12 tháng 4 năm 1998, tại UBND xã Phù V(nay là xã Việt T), huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình kết hôn là tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng C sống tại xã Thạch X, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn sau đó thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng ban đầu là do kinh tế khó khăn, thường xuyên cãi vã, tH tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau làm cho tình cảm ngày càng rạn nứt và đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Xét

thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống C không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh D đề nghị Toà án giải Q ly hôn.

- *Về con C*: Vợ chồng có 02 con C tên là Kiều Đình H, sinh ngày: 16/3/2000 và Kiều Đình Q, sinh ngày: 01/8/2002. Hai con C đã trưởng thành, có công việc ổn định, tự nuôi sống bản thân nên con ở với ai thì tùy con. Anh D không yêu cầu Tòa án giải Q.

- *Về tài sản C*: Vợ chồng không yêu cầu Toà án giải Q.

** Theo nội dung đơn đề nghị giải Q vắng mặt và bản tự khai chị Nguyễn Thị C trình bày:*

- *Về hôn nhân*: Chị C thống nhất như lời trình bày của anh D về quá trình tìm hiểu, kết hôn và quá trình phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình vợ chồng không hợp làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt; vợ chồng sống ly thân đã lâu. Hiện tại, chị C cũng không còn tình cảm với anh D và đồng ý ly hôn. Chị C khẳng định đã nhận được thông báo thụ lý, biết được các tài liệu anh D cung cấp, nội dung yêu cầu khởi kiện của anh D; chị không có yêu cầu phản tố gì và cũng không có tài liệu chứng cứ gì cung cấp cho Tòa án. Do điều kiện bản thân chị đang làm việc ở xa, tình hình dịch bệnh phức tạp, đi lại khó khăn, chị không thể trực tiếp đến Toà án để làm việc nên đã có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án.

- *Về con C:* Vợ chồng 02 con C tên là Kiều Đình H, sinh ngày: 16/3/2000 và Kiều Đình Q, sinh ngày: 01/8/2002. Hai con C đã trưởng thành nên con ở với ai thì tùy con.

- *Về tài sản C*: Vợ chồng không yêu cầu Toà án giải Q.

* Quá trình giải Q vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án, lịch phiên tòa cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà nhưng Viện kiểm sát có ý kiến cho rằng vụ việc không thuộc trường hợp quy định tại Điều 21 BLTTDS nên Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa. Do đó, Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và trình tự thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn trú tại xã Thạch X, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh khởi kiện yêu cầu giải Q ly hôn; Bị đơn Nguyễn Thị C, cư trú tại: Thôn Vồng V 1, xã Xuân V, tỉnh Tuyên Quang nhưng đã có ý kiến bằng văn bản lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà giải Q vụ việc ly hôn giữa hai anh chị nên việc Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà thụ lý giải Q vụ án là đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm b khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải Q vụ án, các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của

pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã có bản tự khai trình bày rõ các nội dung liên quan đến vụ án và đơn xin giải Q vắng mặt nên đủ căn cứ xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 BLTTDS.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về quan hệ tình cảm*: Anh Kiều Đình D và chị Nguyễn Thị C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối, ép buộc, đảm bảo điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Hiện tại, cả hai vợ chồng đều thừa nhận mâu thuẫn phát sinh đã lâu và đã sống ly thân từ cuối năm 2010, hai người không còn tình cảm với nhau và đều có nguyện vọng được ly hôn để tạo lập cuộc sống mới. HĐXX xét thấy, thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D và chị C xảy ra đã lâu và thực sự trầm trọng, không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, không đảm bảo được mục đích hôn nhân; hiện tại vợ chồng sống ly thân và có cuộc sống riêng, không còn tình cảm với nhau và đều có nguyện vọng ly hôn để tạo lập cuộc sống mới. Do đó, đủ căn cứ giải Q cho anh D và chị C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] *Về con C*: Vợ chồng có 02 con C tên là Kiều Đình H, sinh ngày: 16/3/2000 và Kiều Đình Q, sinh ngày: 01/8/2002. Đến nay hai con C đã trưởng thành (trên 18 tuổi), các đương sự không yêu cầu Tòa án giải Q nên HĐXX miễn xem xét.

[2.3] *Về tài sản C*: Hai đương sự thống nhất không có tài sản C và không yêu cầu Toà án giải Q nên HĐXX miễn xét.

[3] *Về án phí*: Anh Kiều Đình D yêu cầu giải Q ly hôn nên phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên;

Q ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 21, Điều 207, 228, 235 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Q 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Kiều Đình D được ly hôn chị Nguyễn Thị C.

2. Về án phí: Anh Kiều Đình D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009779, ngày 06/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Kiều Đình D có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị C vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Thạch Hà;
- Chi cục THADS huyện Thạch Hà;
- UBND xã Việt T, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh (để xóa đăng ký);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Nhân